TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOẰNG HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Lường Thị Huyền
  2. Ông Lê Bỉnh Quyền
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án ND huyện Hoằng Hóa
- *Đại diện Viện KSND huyện Hoằng Hóa tham gia phiên toà:*

Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Q, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: thị Trấn H, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Vương Đại T, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã Hoằng S, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2023, bản tự khai ngày 10/10/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Q thể hiện như sau:

Chị Q và anh Vương Đại T tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Hoằng S, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/9/2019. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên chơi bời nợ nần, không tu chí làm ăn và không quan tâm chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con: Chị Q và anh Vương Đại T có 01 con chung là cháu Vương Bảo Kim, sinh ngày 15/6/2022. Hiện nay cháu Kim đang ở cùng chị Q, ly hôn chị Q có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị Q lao động tự do mức thu nhập là 6.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản và công nợ: chị Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Vương Đại T: Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Lê Thị Uyên (mẹ đẻ anh T) và bà Uyên cam đoan có trách nhiệm giao thông báo lại cho anh T.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Lê Thị U ngày 19/10/2023 thể hiện:

Anh Vương Đại T và chị Trương Thị Q tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoằng S cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2019. Sau khi cưới được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, nợ nần, không tu chí làm ăn nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn, anh Tiến đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, bà U đã thông báo cho anh T và anh đồng ý ly hôn với chị Q). Bà Uyên đã nhận thay các văn bản tố tụng và cam đoan giao cho anh T .

Về con chung: Chị Trương Thị Q và anh Vương Đại T có 01 con chung là cháu Vương Bảo Kim, sinh ngày 15/6/2022, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở với chị Quỳnh. Nay ly hôn chị Q có nguyện vọng nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T đồng ý giao cháu Kim cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản và công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ nhưng bị đơn chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Trương Thị Q được ly hôn anh Vương Đại T.

Về con chung: Giao cháu Vương Bảo Kim, sinh ngày 15/6/2022 cho chị Trương Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng và tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Q khởi kiện xin ly hôn anh Vương Đại T và xin được nuôi con chung. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định chị Q là nguyên đơn, anh T là bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Vương Đại T có địa chỉ tạm trú tại xã Hoằng S, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Qh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Trương Thị Q khởi kiện xin ly hôn anh Vương Đại T và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vương Đại T được triệu tập hợp lệ đến Tòa án làm việc nhưng anh T không có mặt. Theo trình bày của bà Lê Thị Uyên (mẹ đẻ anh T) và chính quyền UBND xã Hoằng S, anh T có hộ khẩu thường trú tại UBND xã Hoằng S, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, anh Tiến là lao động tự do, không khai báo tạm vắng hoặc khai báo thay đổi nơi cư trú, không cho gia đình biết về việc anh hiện nay ở đâu. Đây thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ của bị đơn, do đó Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bà Uyên (mẹ đẻ anh T) và bà cam đoan có trách nhiệm giao thông báo lại cho anh T.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, lãnh đạo địa phương UBND xã Hoằng S xác nhận: Chị Q và anh T tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoằng S cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2019, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm bắt được, vì gia đình không báo cáo. Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là Vương Bảo Kim, sinh ngày 15/6/2022, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở với chị Q cho đến nay.

Tại phiên tòa ngày 27/11/2023, bị đơn anh Vương Đại T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên HĐXX hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt

không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Q và anh Vương Đại T kết hôn với nhau vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Hoằng S, huyện Hoằng Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau chỉ hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau chứng tỏ tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Q đối với anh Vương Đại T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Chị Trương Thị Q và anh Vương Đại T có 01 con chung là cháu Vương Bảo Kim, sinh ngày 15/6/2022. Hiện nay, cháu đang ở với chị Q. Nay ly hôn chị Q có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Trương Thị Q HĐXX thấy rằng: Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Vương Bảo Kim được chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Kim còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, anh T đồng ý để chị Q tiếp tục nuôi con. Vì vậy, giao cháu Kim cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật. Anh T có quyền qua lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Q được ly hôn anh Vương Đại T.

Về con: Công nhận cháu Vương Bảo Kim, sinh ngày 15/6/2022 là con chung của chị Trương Thị Q và anh Vương Đại T. Giao cháu Kim cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Q và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh.

Về cấp dưỡng: Chị Trương Thị Q và anh Vương Đại T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Trương Thị Q và anh Vương Đại T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011694 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Chị Q đã thi hành xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 ,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Trương Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn anh Vương Đại T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND h. Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;*
- *UBND xã Hoằng S;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Phương